

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 517/HS -ST

Ngày: 24/10/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Viết Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Bích Dung

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mộng Nhung – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 741/2023/HSST ngày 04/10/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4703/2023/QĐXXST-HS ngày 11/10/2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hà Ngọc Kỳ D**; giới tính: Nữ; sinh năm 1996, tại thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: số X đường Y, Khu phố Z, phường K, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: A đường số B, Phường C, quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; cha: Hà Thanh T, sinh năm 1970; mẹ: Nguyễn Thị B, sinh năm 1972; tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 14/12/2022, Hà Ngọc Kỳ D bị Công an quận D khởi tố bị can về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Tòa án nhân dân quận D tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù giam (Bản án số 125/2023/HS-ST ngày 06/6/2023). Thời hạn tù tính từ bắt chấp hành án.

Bị bắt tạm giam: Ngày 13/02/2023

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Quang D**; giới tính: Nam; sinh 2000, tại: Lâm Đồng; nơi đăng ký thường trú: Thôn S, xã G, huyện I, tỉnh Gia Lai; Chỗ ở: Phòng 103, nhà trọ số 38/32-34-36-38 Nguyễn Văn Vịnh, phường V, quận L, thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; cha: Trần Quang H, sinh năm 1964; mẹ:

Trần Thị H, sinh 1966; vợ, con: Không; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam: Ngày 13/02/2023.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa:

Ông Trương Bá Gia Bình – Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Hà Ngọc Kỳ D, có mặt tại phiên tòa.

Ông Nguyễn Trung Chánh – Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh bào chữa cho bị cáo Trần Quang D, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào trưa ngày 12/02/2023, Nhà xe Sáu Bản tại Bến xe An Sương (huyện Q, thành phố Hồ Chí Minh) nhận được gói hàng do một tài xế xe Grab (không rõ lai lịch) gửi đi Gia Lai, bên ngoài gói hàng ghi chữ “Cô H 0359.602.139 G – I - Gia Lai (cà phê Cỏ Hồng). Người gửi: 0906972996”. Do nghi vấn gói hàng có chứa vật phạm pháp nên Nhà xe đã trình báo Công an huyện Q. Qua xác minh, Cơ quan Công an xác định thông tin ghi trên gói hàng có liên quan đến Trần Quang D và Hà Ngọc Kỳ D.

Khoảng 19 giờ cùng ngày, khi Trần Quang D đến Bến xe An Sương để kiểm tra hàng thì bị phát hiện. Qua làm việc, Trần Quang D xác nhận vật chứng là 01 gói hàng, bên trong có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết quả giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 2,1060 gam loại Methamphetamine là của Trần Quang D.

Ngày 13/02/2023, Công an huyện Q tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Quang D tại Phòng 103, nhà trọ số 38/32-34-36-38 Nguyễn Văn Vịnh, phường V, quận L, thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,3732 gam loại Methamphetamine. Trần Quang D khai nhận toàn bộ số ma túy bị thu giữ là mua của Hà Ngọc Kỳ D.

Cùng ngày, Công an huyện Q mở rộng điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hà Ngọc Kỳ D tại nhà số: A đường số B, Phường C, quận D, thành phố Hồ Chí Minh, thu giữ:

- 06 gói nylon chứa tinh thể không màu, 02 nylon chứa tinh thể màu trắng, qua giám định là ma túy ở thể rắn, tổng khối lượng 47,6633 gam loại Methamphetamine;

- 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, khối lượng 7,4469 gam loại Ketamine;

- 19 gói nylon bên trong mỗi gói chứa 01 viên nén màu nâu, qua giám định là ma túy ở thể rắn, tổng khối lượng 9,8527 gam loại MDMA.

Toàn bộ số ma túy thu giữ của Hà Ngọc Kỳ D và Trần Quang D đã được trưng cầu giám định, kết quả được thể hiện tại bản Kết luận giám định số 1425/KL-KTHS, 1426/KL-KTHS, 1429/KL-KTHS ngày 21/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hồ Chí Minh (BL 151, 156, 161).

Hà Ngọc Kỳ D khai nhận: Vào khoảng 13 giờ 45 phút, ngày 12/02/2023, Trần Quang D đặt mua 2,5 gam ma túy đá, giá 1.600.000 đồng, Trần Quang D đã chuyển khoản thanh toán cho Hà Ngọc Kỳ D. Do không có sẵn ma túy nên Hà Ngọc Kỳ D đã mua của T (không rõ lai lịch) 850.000 đồng ma túy. Sau đó, Hà Ngọc Kỳ D đóng gói ma túy vào hộp giấy rồi đặt Grab đem đến nhà xe Sáu Bản gửi về Gia Lai theo địa chỉ Trần Quang D cung cấp. Đến 17 giờ cùng ngày, do nhà xe báo không nhận chuyển gói hàng nên Hà Ngọc Kỳ D gọi điện nói Trần Quang D đến bến xe để kiểm tra.

Đối với toàn bộ số ma túy thu giữ tại nơi ở, Hà Ngọc Kỳ D mua của T vào sáng 12/02/2023, giá 15.000.000 đồng để bán lại cho T (không rõ lai lịch), do chất lượng kém T không mua nên Hà Ngọc Kỳ D giữ lại để trả cho T, nhưng chưa kịp trả thì bị phát hiện thu giữ như trên.

Ngoài ra trước đó, vào ngày 08/02/2023 Trần Quang D đã đặt mua của Hà Ngọc Kỳ D 0,5 gam ma túy đá, giá 500.000 đồng, thanh toán bằng hình thức chuyển khoản và yêu cầu Hà Ngọc Kỳ D gửi ma túy cho khách của Trần Quang D với thông tin người nhận là “X Võ Chí Công, Phường Y, Quận N, TP. HCM sdt 0969166763 tên T” (Cần xác minh rõ thông tin về số điện thoại này). Lần này, Hà Ngọc Kỳ D đã lấy ra 0,1 gam ma túy đá để sử dụng rồi báo lại cho Trần Quang D biết khối lượng ma túy chỉ còn 0,4 gam và Trần Quang D đồng ý. Sau đó, Hà Ngọc Kỳ D đóng gói ma túy gửi cho khách của Trần Quang D theo thông tin trên.

Trần Quang D khai nhận: Vào khoảng 13 giờ ngày 12/02/2023, H (không rõ lai lịch) nhờ Trần Quang D đặt mua 1.600.000 đồng ma túy đá, H trả công Trần Quang D 200.000 đồng và yêu cầu Trần Quang D gửi về địa chỉ: Quán cà phê Cỏ Hồng, xã G, huyện I, Gia Lai cho H. H đã dùng tài khoản Vietcombank số 0291000334166 và tài khoản BIDV số 64110001108200 chuyển vào tài khoản TP Bank số 30359602139 của Trần Quang D để thanh toán tổng số tiền là 1.800.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, Trần Quang D đặt mua của Hà Ngọc Kỳ D 2,5 gam ma túy đá, giá 1.600.000 đồng và nói Hà Ngọc Kỳ D đóng gói ma túy gửi ra Nhà xe Sáu Bản về Gia Lai theo địa chỉ như trên. Sau đó, Trần Quang D đến nhà Hà Ngọc Kỳ D tại địa chỉ: 86/36/32 đường 14, Phường 8, quận D để kiểm tra hàng. Tại đây, Trần Quang D đã lấy một ít ma túy từ trong gói hàng mà Hà Ngọc Kỳ D đang đóng gói cất vào gói nylon rồi mang về chỗ ở để sử dụng, số ma túy này đã bị thu giữ khi khám xét chỗ ở của Trần Quang D. Đến khoảng 17 giờ, Hà Ngọc Kỳ D gọi cho Trần Quang D đến nhà xe Sáu Bản để kiểm tra gói hàng, khi Trần Quang D vừa đến Bến xe An Sương thì bị bắt giữ như trên.

Trần Quang D khai nhận phù hợp với lời khai trên của Hà Ngọc Kỳ D về việc Trần Quang D đã mua ma túy của Hà Ngọc Kỳ D vào ngày 08/02/2023 và ngày

12/02/2023. Ngày 08/02/2023, Trần Quang D mua ma túy để bán lại cho T (không rõ lai lịch). T đã dùng tài khoản Viettin Bank số 105873283767 chuyển vào tài khoản TP Bank của Trần Quang D để thanh toán 500.000 đồng tiền mua ma túy. Lần bán ma túy này Trần Quang D không lấy tiền lời vì đây là lần đầu Trần Quang D bán ma túy cho T.

Qua xác minh các tài khoản ngân hàng đã chuyển tiền vào tài khoản của Trần Quang D có kết quả, như sau:

- Tài khoản Vietcombank số 0291000334166 do anh Tạ Văn T là chủ tài khoản. Vào ngày 12/02/2023, anh Tạ Văn T có chuyển 1.300.000 đồng vào tài khoản TP Bank số 30359602139 của Trần Quang D theo yêu cầu của khách, do anh Tạ Văn T làm dịch vụ chuyển tiền. Anh Tạ Văn T không biết và không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy của Trần Quang D;

- Tài khoản BIDV số 64110001108200 do Nguyễn Ngọc H, địa chỉ: xã G huyện I, tỉnh Gia Lai là chủ tài khoản. Tài khoản Viettin Bank số 105873283767 do Bùi Ngọc T, địa chỉ: xã K, huyện M, tỉnh Thanh Hóa là chủ tài khoản. Qua xác minh Nguyễn Ngọc H và Bùi Ngọc T đã bỏ địa phương đi đâu không rõ nên Cơ quan điều tra không triệu tập lấy lời khai được.

Đối với các đối tượng Th, Tạ Văn T, H, T do Hà Ngọc Kỳ D và Trần Quang D khai không rõ lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh, làm rõ được nhân thân lai lịch để điều tra xử lý.

Vật chứng thu giữ của vụ án:

* Thu giữ của Hà Ngọc Kỳ D:

- 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 299 (1425) Gói 1, (có chữ ký của Giám định viên Trịnh Hải Thắng (PC09) và Điều tra viên Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01(một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 299 (1425) Gói 2, (có chữ ký của Giám định viên Trịnh Hải Thắng (PC09) và Điều tra viên Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01(một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 299 (1425) Gói 3, (có chữ ký của Giám định viên Trịnh Hải Thắng (PC09) và Điều tra viên Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01(một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 299 (1425) Gói 4, (có chữ ký của Giám định viên Trịnh Hải Thắng (PC09) và Điều tra viên Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01(một) điện thoại di động mặt lưng có in chữ docomo màu tím có số Imei: 353753091398591, gắn sim có dãy số 8401210750408750, thu giữ của Hà Ngọc Kỳ D (lưng bẻ, thực nhận 01 điện thoại mặt lưng có in chữ docomo màu tím có số Imei: 353753091398591, gắn sim có dãy số 8401210750408750, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

- 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia có số Imei: 350011/02/345750/3, gắn sim có dãy số 8401221050232147IDE, thu giữ của Hà Ngọc Kỳ D (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

- 01(một) điện thoại di động hiệu Sam Sung có số Imei 1: 353415/08/250988/9, số Imei 2: 353416/08/250988/7, không gắn sim, thu giữ của Hà Ngọc Kỳ D (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

- 01 (một) hộp giấy màu hồng; 01(một) bình ga; 01(một) hộp quẹt ga; 01(một) tờ nylon một mặt màu đỏ, một mặt màu bạc; 01(một) hộp màu hồng; 01(một) kéo kim loại; Một số đoạn ống hút bằng nhựa; 01(một) cây thước bằng kim loại, Một số gói nylon bên trong không chứa gì; 01(một) cân điện tử;

* Thu giữ của Trần Quang D:

- 01(một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 303 (1429), (có chữ ký của Giám định viên Trịnh Hải Thắng (PC09) và Điều tra viên Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01(một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 300 (1426)/2023, (có chữ ký của Giám định viên Lê Thị Hằng (PC09) và Điều tra viên Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max (số sê ri: FK1ZRPNGN70C) có số trên khay sim số: 353902107788564, gắn sim có dãy số 8401180533136042GD, thu giữ của Trần Quang D (thực nhận 01 điện thoại kiểu dáng Iphone có số Imei khay sim: 353902107788564, không kiểm tra đời máy, seri, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong)

- 01(một) túi da; 01(một) hộp giấy carton; 01(một) hộp kim loại màu xanh có chứa chất rắn màu xanh; 05(năm) gói nylon có in chữ "Mentos"; 01(một) tờ giấy một mặt màu tím, một mặt màu bạc.

Tại bản Cáo trạng số 503/CT-VKSTPHCM-P1 ngày 27/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, truy tố để xét xử đối với các bị cáo:

- Hà Ngọc Kỳ D, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h Khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự;

- Trần Quang D, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 và điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố; sau khi tóm tắt nội dung vụ án, trình bày lời luận tội khẳng định bản Cáo trạng truy tố để xét xử đối với bị cáo Hà Ngọc Kỳ D, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm h Khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Trần Quang D, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 và điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự, là có cơ sở pháp luật; ngoài ra, còn phân tích đánh giá về tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo, về các

tình tiết định khung, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo. Theo đó, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm h khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Hà Ngọc Kỳ D: từ 17 năm tù đến 18 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, và tổng hợp hình phạt với Bản án số 125/2023/HS-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân quận D, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung từ 18 năm 06 tháng, đến 19 năm 06 tháng tù; phạt bổ sung 30 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Căn cứ điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm b Khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Trần Quang D: từ 01 năm tù đến 02 năm tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; từ 07 năm tù đến 08 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 08 năm tù đến 09 năm tù; phạt bổ sung 10 triệu đồng nộp ngân sách nhà nước.

- Về vật chứng: Đề nghị tịch thu tiêu hủy vật chứng là ma túy còn lại sau giám định và xử lý vật chứng là đồ vật, tài sản theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Hà Ngọc Kỳ D phát biểu quan điểm bào chữa: Đồng ý với Viện kiểm sát về tội danh và điều khoản truy tố bị cáo; đồng ý tình tiết tăng nặng Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo. Luật sư trình bày các tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Sau khi được giải thích mức độ nguy hiểm của tội phạm, bị cáo đã nhận thức về hành vi sai trái để điều chỉnh lại hành vi của mình và đã Th khấn khai báo; khối lượng ma túy đã được thu hồi; Hậu quả của phạm tội chưa để lại trong thực tế; bị cáo tích cực hợp tác điều tra qua việc khai tích cực đối tượng mua ma túy và bán ma túy nên đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hiện tại bị cáo 01 mình nuôi con nhỏ nên áp lực về kinh tế dẫn đến hành vi phạm tội; gia đình có hoàn cảnh khó khăn; con nhỏ để ông ngoại chăm là người chạy xe ôm, hiện đau ốm; bị cáo là người nghiện, mục đích lấy tiền lời sử dụng ma túy, không phải là đối tượng buôn bán ma túy chuyên nghiệp nên phù hợp tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ ở điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự từ đó đề nghị áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để tuyên mức án thấp nhất để bị cáo sớm về chăm sóc con nhỏ.

Bị cáo Hà Ngọc Kỳ D thống nhất với ý kiến của Luật sư bào chữa cho mình nên không tranh luận bổ sung, trong lời nói sau cùng chỉ đề nghị xem xét hưởng mức án khoan hồng để có cơ hội sớm chấp hành xong bản án và làm lại cuộc đời.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Quang D: Thống nhất với Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt truy tố bị cáo. Luật sư cho rằng mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là quá nặng, với các lý do: Về tội mua bán trái phép chất ma túy thì bị cáo không mua ma túy để ở nhà để bán; bị cáo mua ma túy 01 lần dùng T và H; lần 01 mua cho H không có tiền công, lần 02 được H cho tiền công mặc dù bị cáo không yêu cầu trả tiền công. Lần đến nhà Hà Ngọc Kỳ D bị cáo lấy 01 ít để sử dụng do bị cáo nghiện ma túy; H quả về việc phạm tội của bị cáo

để cho xã hội là không cao; trong vụ án, bị cáo khi bị bắt đã khai báo Th khản để có thể bắt bị cáo Hà Ngọc Kỳ D là phù hợp với quy định về việc tích cực hợp tác với cơ quan điều tra nên đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; gia đình bị cáo là hộ nghèo có sổ hộ nghèo. Từ đó đề nghị áp dụng điểm s, t khoản 1 Điều 51 và áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để tuyên phạt bị cáo thấp nhất có thể để bị cáo sớm về hòa nhập xã hội.

Bị cáo Trần Quang D thống nhất quan điểm bào chữa của luật sư bào chữa. Trong lời nói sau cùng chỉ đề nghị xem xét hưởng mức án khoan hồng để có cơ hội sớm chấp hành xong bản án.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Do các luật sư bào chữa không mâu thuẫn với đề nghị luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt nên không tranh luận. Về các tình tiết giảm nhẹ các luật sư đề nghị: Không đồng ý với các luật sư đề nghị áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo, vì: Đối với bị cáo Trần Quang D: bị cáo không mua ma túy để ở nhà nhưng khi có khách hỏi mua bị cáo thông qua Hà Ngọc Kỳ D để chuyển ma túy đến người mua thể hiện hành vi của bị cáo tinh vi hơn; việc ma túy bị phát hiện và cơ quan điều tra đã xác định được Hà Ngọc Kỳ D, không phải chưa xác định được Hà Ngọc Kỳ D nhờ Trần Quang D mà xác định để bắt được. Việc các đối tượng bán ma túy cho Hà Ngọc Kỳ D cũng không xác định được. Giữ nguyên quan điểm đề nghị áp dụng hình phạt đối với các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các luật sư, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị cáo Hà Ngọc Kỳ D và bị cáo Trần Quang D khai nhận về hành vi phạm tội do bị cáo gây ra đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và vụ án còn được chứng minh bằng các tài liệu, vật chứng thu giữ và chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như các biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung, biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản kết luận giám định... Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Vì động cơ tư lợi các bị cáo Hà Ngọc Kỳ D, Trần Quang D đã mua ma túy về bán lại thu lợi. Hà Ngọc Kỳ D đã bán ma túy cho Trần Quang D vào các ngày 08/02/2023, 12/02/2023 và số ma túy bị thu giữ khi khám xét có tổng khối lượng 50,5425 gam Methamphetamine (2,1060gam + 0,3732gam + 0,4gam + 47,6633gam); 7,4469 gam Ketamine và 9,8527 gam MDMA .

Trần Quang D đã bán cho T và H có tổng khối lượng 2,5060 gam Methamphetamine (2,1060gam + 0,4gam) và khi khám xét thu giữ của bị cáo Trần Quang D số ma túy có khối lượng 0,3732 gam loại Methamphetamine bị cáo cất giữ để sử dụng.

Với hành vi nêu trên, và khối lượng ma túy thu giữ thuộc trường hợp “Có 02 chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm a đến điểm g khoản này”, nên Hà Ngọc Kỳ D đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại điểm h khoản 3 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Trần Quang D đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” thuộc trường hợp “Methamphetamine có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam” và tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên” lần lượt theo các quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 249 và điểm b Khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của Hà Ngọc Kỳ D là đặc biệt nghiêm trọng, Trần Quang D là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, là nguyên nhân làm gia tăng các loại tội phạm về ma túy và tệ nạn xã hội khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần xử lý nghiêm để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Bị cáo Hà Ngọc Kỳ D phạm tội thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên”, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Trong giai đoạn điều tra và tại phiên toà hôm nay, các bị cáo Hà Ngọc Kỳ D và Trần Quang D có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự để nộp ngân sách nhà nước.

Các nhận định trên đây cũng là quan điểm của Hội đồng xét xử đối với đề nghị của Viện kiểm sát, bào chữa của Luật sư bào chữa cho bị cáo trong phần tranh luận tại phiên toà.

Đối với tài khoản Vietcombank số 0291000334166 do anh Tạ Văn T là chủ tài khoản. Vào ngày 12/02/2023, anh Tạ Văn T có chuyển 1.300.000 đồng vào tài khoản TP Bank số 30359602139 của Trần Quang D theo yêu cầu của khách, do anh Tuấn làm dịch vụ chuyển tiền. Anh Tạ Văn T không biết và không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy của Trần Quang D nên không xem xét trách nhiệm của anh Tạ Văn T.

Tài khoản BIDV số 64110001108200 do Nguyễn Ngọc H, địa chỉ: xã G, huyện I, tỉnh Gia Lai là chủ tài khoản. Tài khoản VietinBank số 105873283767 do Bùi Ngọc T, địa chỉ: xã X, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa là chủ tài khoản. Qua xác minh Nguyễn Ngọc H và Bùi Ngọc T đã bỏ địa phương đi đâu không rõ nên Cơ quan điều tra không triệu tập lấy lời khai được. Khi nào điều tra làm rõ sẽ giải quyết sau.

Đối với các đối tượng Th, Tạ Văn T, H, T do Hà Ngọc Kỳ D và Trần Quang D khai không rõ lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh, làm rõ được nhân thân lai lịch để điều tra xử lý.

+ Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, xét:

* Cần tịch thu tiêu huỷ các vật là vật chứng của vụ án là chất độc được cấm sử dụng, những vật không có giá trị sử dụng, bao gồm:

- 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 299 (1425) Gói 1, (có chữ ký của Giám định viên Trịnh Hải Thắng (PC09) và Điều tra viên Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01(một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 299 (1425) Gói 2, (có chữ ký của Giám định viên Trịnh Hải Thắng (PC09) và Điều tra viên Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01(một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 299 (1425) Gói 3, (có chữ ký của Giám định viên Trịnh Hải Thắng (PC09) và Điều tra viên Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01(một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 299 (1425) Gói 4, (có chữ ký của Giám định viên Trịnh Hải Thắng (PC09) và Điều tra viên Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01 (một) hộp giấy màu hồng; 01(một) bình ga; 01(một) hộp quẹt ga; 01(một) tờ nylon một mặt màu đỏ, một mặt màu bạc; 01(một) hộp màu hồng; 01(một) kéo kim loại; Một số đoạn ống hút bằng nhựa; 01(một) cây thước bằng kim loại; Một số gói nylon bên trong không chứa gì; 01(một) cân điện tử;

- 01(một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 303 (1429), (có chữ ký của Giám định viên Trịnh Hải Thắng (PC09) và Điều tra viên Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01(một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 300 (1426)/2023, (có chữ ký của Giám định viên Lê Thị Hằng (PC09) và Điều tra viên Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01(một) túi da; 01(một) hộp giấy carton; 01(một) hộp kim loại màu xanh có chứa chất rắn màu xanh; 05(năm) gói nylon có in chữ "Mentos"; 01(một) tờ giấy một mặt màu tím, một mặt màu bạc.

* Cần tịch thu sung ngân sách nhà nước những tài sản thu giữ trong vụ án là phương tiện thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo:

- 01(một) điện thoại di động mặt lưng có in chữ docomo màu tím có số Imei: 353753091398591, gắn sim có dãy số 8401210750408750, Thu giữ của Hà Ngọc Kỳ D (lưng bể, thực nhận 01 điện thoại mặt lưng có in chữ docomo màu tím có số Imei: 353753091398591, gắn sim có dãy số 8401210750408750, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong)

- 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia có số Imei: 350011/02/345750/3, gắn sim có dãy số 8401221050232147IDE, Thu giữ của Hà Ngọc Kỳ D (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

- 01(một) điện thoại di động hiệu Sam Sung có số Imei 1: 353415/08/250988/9, số Imei 2: 353416/08/250988/7, không gắn sim, Thu giữ của Hà Ngọc Kỳ D (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong)

- 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max (số sê ri: FK1ZRPHGN70C) có số trên khay sim số: 353902107788564, gắn sim có dãy số 8401180533136042GD, Thu giữ của Trần Quang D (thực nhận 01 điện thoại kiểu dáng Iphone có số Imei khay sim: 353902107788564, không kiểm tra đời máy, seri, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong)

+Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015, buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm d khoản 3, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự;

Xử phạt : Bị cáo Hà Ngọc Kỳ D 16 năm 06 tháng tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 125/2023/HS-ST ngày 06/6/2023 của Tòa án nhân dân quận D xử phạt bị cáo 01 năm 06 tháng tù, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 18 (mười tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/02/2023.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

2. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; điểm a, khoản 1, Điều 55 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Quang D 01 năm tù, về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”; 07 năm tù, về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/02/2023.

Phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nộp ngân sách nhà nước.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy, bao gồm :

- 01 (một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 299 (1425) Gói 1, (có chữ ký của Giám định viên Trịnh Hải Thắng (PC09) và Điều tra viên Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01(một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 299 (1425) Gói 2, (có chữ ký của Giám định viên Trịnh Hải Thắng (PC09) và Điều tra viên Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01(một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 299 (1425) Gói 3, (có chữ ký của Giám định viên Trịnh Hải Thắng (PC09) và Điều tra viên Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01(một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 299 (1425) Gói 4, (có chữ ký của Giám định viên Trịnh Hải Thắng (PC09) và Điều tra viên Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01 (một) hộp giấy màu hồng; 01(một) bình ga; 01(một) hộp quẹt ga; 01(một) tờ nylon một mặt màu đỏ, một mặt màu bạc; 01(một) hộp màu hồng; 01(một) kéo kim loại; Một số đoạn ống hút bằng nhựa; 01(một) cây thước bằng kim loại, Một số gói nylon bên trong không chứa gì; 01(một) cân điện tử;

- 01(một) gói niêm phong bên ngoài ghi số 303 (1429), (có chữ ký của Giám định viên Trịnh Hải Thắng (PC09) và Điều tra viên Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01(một) gói niêm phong bên ngoài ghi vụ 300 (1426)/2023, (có chữ ký của Giám định viên Lê Thị Hằng (PC09) và Điều tra viên Nguyễn Phi Tùng (PC04), bên trong là ma túy còn lại sau giám định.

- 01(một) túi da; 01(một) hộp giấy carton; 01(một) hộp kim loại màu xanh có chứa chất rắn màu xanh; 05(năm) gói nylon có in chữ "Mentos"; 01(một) tờ giấy một mặt màu tím, một mặt màu bạc.

Tịch thu sung nộp vào ngân sách nhà nước, bao gồm:

- 01(một) điện thoại di động mặt lưng có in chữ docomo màu tím có số Imei: 353753091398591, gắn sim có dãy số 8401210750408750, thu giữ của Hà Ngọc Kỳ D (lưng bẻ, thực nhận 01 điện thoại mặt lưng có in chữ docomo màu tím có số Imei: 353753091398591, gắn sim có dãy số 8401210750408750, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong)

- 01(một) điện thoại di động hiệu Nokia có số Imei: 350011/02/345750/3, gắn sim có dãy số 8401221050232147IDE, thu giữ của Hà Ngọc Kỳ D (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

- 01(một) điện thoại di động hiệu Sam Sung có số Imei 1: 353415/08/250988/9, số Imei 2: 353416/08/250988/7, không gắn sim, thu giữ của Hà Ngọc Kỳ D (không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong).

- 01(một) điện thoại di động hiệu Iphone 11 Pro Max (số sê ri: FK1ZRPHGN70C) có số trên khay sim số: 353902107788564, gắn sim có dãy số 8401180533136042GD, thu giữ của Trần Quang D (thực nhận 01 điện thoại kiểu dáng Iphone có số Imei khay sim: 353902107788564, không kiểm tra đời máy, seri, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong)

(Biên bản giao nhận tang tài vật số NK2024/017 ngày 17/10/2023 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh)

4. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hà Ngọc Kỳ D và Trần Quang D, mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng. Nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (1)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (2)
- Trại tạm giam; (2)
- Người bào chữa; (2)
- Đường sự; (0)
- THAHS TP.HCM; (2)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (35) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Viết Hùng